

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 06-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Đàm Thanh Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tòng - Kiểm Sát viên.

Trong các ngày 30/3 và 06/4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 07/TB-TA ngày 15/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn T, sinh năm 1965, tại N, tỉnh S; Nơi cư trú: ấp B, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê L và bà Nguyễn N; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: tốt. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 01/6/2021 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N

Địa chỉ trụ sở: ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Bùi DT, sinh năm 1987 (Có mặt), địa chỉ ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/10/2021.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Nguyễn H, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn S, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm U, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Liêu M, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn VM, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Ông Nguyễn T, sinh năm 1978 (Có mặt)

HKTT: ấp O, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng*

Bà Hồ TS, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Phan VH, sinh năm 1972 (Có mặt)

Bà Nguyễn Đ, sinh năm 1963 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã N, tỉnh Sóc Trăng về việc sáp nhập Trường Tiểu học M3 có trụ sở đặt tại ấp I, xã M, thị xã N về Trường Tiểu học M1, thị xã N. Năm học 2020-2021 bắt đầu ngưng cho học sinh đến trường Tiểu học M3 nên theo sự chỉ đạo của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã N thì ngày 19/10/2020 Trường Tiểu học M1 đã bàn giao trụ sở trường, cơ sở vật chất, tất cả tài sản cố định, cây trồng tại điểm trường Tiểu học M3 cho UBND xã M, thị xã N quản lý, sử dụng. Trước ngày 19/10/2020 thì ông Nguyễn H là hiệu trưởng nhà trường đã phân công bị cáo Nguyễn T là bảo vệ của nhà trường đến điểm trường Tiểu học M3 tổ chức dọn dẹp, thống kê để bàn giao lại cho UBND xã M, thị xã N.

Đến ngày 24/10/2020, bị cáo Nguyễn T đi vào điểm trường Tiểu học M3, thị xã N tháo bóng đèn dây điện để tận dụng cho việc sử dụng cho trường Tiểu học M1, thị xã N. Bị cáo T thuê các ông Nguyễn VT và Liêu M, đi làm cùng với bị cáo với giá tiền công là 150.000 đồng/người/ngày. Bị cáo Nguyễn T, cùng với các ông VT và M đi vào điểm trường Tiểu học M3, thị xã N để tháo các bóng đèn, dây điện và các vật dụng khác.

Trong khi tháo dỡ các vật dụng thì bị cáo T thấy các cánh cửa của 08 phòng học bị hư hỏng nên nảy sinh ý định bán 16 cánh cửa của 08 phòng học. Bị cáo T điện thoại cho vợ bị cáo là bà Hồ S, kêu bà S gọi điện thoại cho ông Nguyễn VM là người mua phế liệu. Khi ông VM đến điểm trường, giữa ông VM và bị cáo T thỏa thuận với nhau bán sắt phế liệu là 4.000 đồng/kg, còn la phong nhựa thì ông VM không mua, ông VM chỉ mua kẹp sắt, nẹp la phong, ông VM có kêu bị cáo T tháo dỡ nhưng bị cáo T nói không có thời gian tháo dỡ, ông VM mới xin ông T cho ông số la phong thì ông sẽ tự tháo dỡ và lấy nẹp sắt kẹp la phong cân ký luôn, bị cáo T đồng ý bán cho ông VM số la phong của 07 phòng học số 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08. Bị cáo T cùng với ông M tháo một cánh cửa phòng học ra cân và thống nhất mỗi cánh cửa là 20 kg sắt, ông VM kêu bị cáo T tháo dỡ xong mới mua. Bị cáo T nói “không có thời gian đâu mà tháo dỡ”. Nên ông VM tự tháo dỡ các cánh cửa còn lại của các phòng học.

Trong khi tháo dỡ thì ông M thấy phía sau trường có nhà vệ sinh các cánh cửa đã bị hư hỏng nên đi vào hỏi xin tháo dỡ các tài sản khu vực nhà vệ sinh của trường học thì bị cáo T đồng ý. Ông M cùng với ông VT tháo dỡ nhà vệ sinh phía sau được 01 (một) cửa nhôm có số đo dài 1,95x0,65 mét, 01 thanh nhôm hình chữ U dài 1,97 mét, 02 (hai) cửa sắt có số đo 1,67x0,48 mét: 03 (ba) thanh sắt hình chữ U có chiều dài 6,5 mét, 06 (sáu) tấm tol kẽm có kích thước 2,5x1,1 mét: 01 (một) tấm tol kẽm có kích thước 2,5x 0,6 mét.

Quá trình tháo dỡ, bị cáo T nói với ông VT và ông M “Xài cái gì thì lấy xài, tao để đồng giá với thằng VM cho” và nói “cái nào làm chưa xong thì mai làm tiếp” nghe vậy nên ông VT hỏi bị cáo T mua lại phần khung cửa các phòng học và khung cửa tủ các phòng học. Bị cáo VM “ngày mai tao đi đám cưới không có vô, có làm chưa xong thì cứ vô vì có ông VT và ông M làm công việc ở đây”. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo T chở ông M đi về và có đưa cho ông M số tiền 50.000 đồng để thuê vỏ máy chở đồ về dùm. Ngoài ra ông VT còn hỏi mua lại cửa ông VM 02 cánh cửa sắt. Đến khoảng 17 giờ ngày 24/10/2020, ông VM gửi ông M 800.000 đồng để trả cho bị cáo T và nói là “gửi trả tiền cho ông T trước” và sau đó ông VM có gửi trả thêm số tiền mua tài sản cho ông T đã bán phế liệu số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền ông VM mua phế liệu của ông T là 1.800.000 đồng. Còn ông M và ông VT đem tất cả bóng đèn, quạt gió; dây điện xuống giỏ máy chở về trường tiểu học M1, thị xã N nhưng thấy cổng trường đã đóng, trời sập tối nên ông VT và ông M đem các tài sản trên về kho của ông VT cất giữ dùm.

Ngày 24/10/2020 ông Liêu M đem về nhà ông Mến cất giữ 11 (mười một) kệ sắt có số đo 0,94 x 0,30 mét; 01 (một) cửa nhôm cả số đo 1,95 x 0,65 mét, 01 thanh nhôm hình chữ U dài 1,97 mét; 02 (hai) cửa sắt có số đo 1,67 x 0,48 mét: 03 (ba) thanh sắt hình chữ U có số đo 6,5 mét; 06 (sáu) tấm tol kẽm có số đo 2,5 x 1,1 mét; 01 (một) tấm tol kẽm có số đo 2,5x0,6 mét, 01 (một) khung sắt bằng kim loại (cửa 03 thanh) 02 thanh dài có số đo 1,73 x 1,03 mét.

Ngày 24/10/2020 ông Nguyễn VT đã tháo dỡ được các tài sản gồm 02 (hai) cửa sắt có số đo 2,18x06 mét 02 (hai) cửa sắt có số đo 1,67 x 0,48 mét: 23 (Hai

mười ba) kệ sắt có số đo 0,94 x 0,30 mét; 02 (Hai) khung sắt bằng kim loại (cửa 03 thanh), 02 thanh dài có số đo 1.73x1,03 mét. 01 (một) khung sắt bằng kim loại (cửa 03 thanh). 02 thanh dài có số đo 2.28x 1,28 mét; 01 (một) cửa nhôm có số đo 1.95 x 0.65 mét. 01 thanh nhôm hình chữ U dài 1,97 mét; 03 (ba) thanh sắt hình chữ U có chiều dài 6,5 mét. 06 (sáu) tấm tol kẽm có số đo 2,5 x1,1 mét; 01 (một) tấm tol kẽm dài 2,5 x 0.6 mét; 44 (bốn mươi bốn) cây sắt V dài 0,30 mét, cạnh 3,8m đem về kho ông VT cất giữ.

Do chưa làm xong công việc trong ngày 24/10/2020 mà bị cáo T đã thuê và chưa tháo xong khung cửa của phòng học, khung tủ và la phong thạch cao đã hỏi mua từ bị cáo T. Nên sáng ngày 25/10/2020, ông Nguyễn VT điện thoại cho ông Liêu M cùng đi làm tiếp công việc, do ông M bị đau tay nên không đi làm được, ông VT điện thoại thuê ông Phan H đi làm công việc cho xong cùng với ông VT ở điểm lẻ trường tiểu học M1, thị xã N. Ông VT cùng với ông H tiếp tục tháo dỡ và mang về kho của ông VT cất giữ trong ngày 25/10/2020 gồm 07 khung cửa sắt bằng kim loại (cửa ba thanh), 02 thanh dài có số đo 2,28m, ngang 1,28m có trọng lượng 69 ký và 06 khung sắt bằng kim loại (cửa ba thanh), 02 thanh dài có số đo 1,73m, ngang 1,03m có trọng lượng 43 ký.

Đến ngày hôm sau, khi gặp nhau ở trường tiểu học M1, thị xã N thì bị cáo T hỏi ông VT là “lấy được bao nhiêu”, thì ông VT trả lời “Chưa cân nữa đồ còn ở bên kho, bữa nào qua cân đi rồi tính”.

Đến ngày 01/12/2020, UBND xã M, thị xã N cử cán bộ đến kiểm tra phát hiện bị mất tài sản tại điểm trường tiểu học M1, thị xã N do UBND xã M đang quản lý nên trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm xác minh làm rõ. Sau khi tiếp nhận tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm phối hợp Công an xã M, đội kỹ thuật hình sự và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tiến hành khám nghiệm hiện trường và làm việc với những người có liên quan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm ra yêu cầu định giá tài sản số: 06 ngày 22/02/2021, xác định giá trị tài sản bị lấy trộm ngày 24/10/2020. Tại bản kết luận định giá số 03 ngày 22/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N xác định giá trị của tài sản bị lấy trộm vào ngày 24/10/2020, tổng giá trị còn lại của tài sản bị trộm cắp tại điểm trường tiểu học M1 thuộc ấp MĐ1, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng năm 2008 số tiền: 75.219.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu hai trăm mười chín nghìn đồng*).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm ra yêu cầu định giá tài sản số 07 ngày 22/02/2021, xác định giá trị tài sản bị lấy trộm ngày 25/10/2020. Tại bản kết luận định giá số 04 ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N xác định giá trị của tài sản bị lấy trộm vào ngày 25/10/2020, tổng giá trị còn lại của tài sản bị trộm cắp là: 24.743.300 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị lấy trộm vào các ngày 24 và 25 tháng 10 năm 2020, tại điểm Trường Tiểu học M1, thuộc ấp MĐ1, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là 99.962.300 đồng.

Bị cáo Nguyễn T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm số tiền bán các tài sản tháo dỡ tại trường tiểu học M1, thị xã N cho ông Nguyễn VM là 1.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSTXNN ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung xử phạt bị cáo Nguyễn T mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp hai lần mức án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện cho bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Nguyễn T số tiền 1.800.000 đồng và số tiền bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N tổng cộng là 99.962.300 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn T trình bày: trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố có nêu diễn biến hành vi của bị cáo thực hiện vào ngày 24/10/2020 và ngày 25/10/2020 đã phù hợp với hành vi của bị cáo, chỉ có hai điểm chưa đúng với hành vi của bị cáo. Cụ thể nói bị cáo nảy sinh ý định bán tài sản của trường và tự ý cho ông M tài sản của trường là không đúng. Ông chỉ bán cho ông Nguyễn VM một số tài sản bị hư hỏng chứ không bán hết 16 cánh cửa của tám phòng học cũng như không bán hết số la phong giòn cho ông VM vì la phong chỉ kêu bán 02 phòng học; Còn phía ông VT và ông M đúng là bị cáo có nói với hai ông này muốn xài cái gì thì lấy, ông để bằng giá bán cho ông VM nhưng ông nói là bán các tài sản đã bị hư hỏng chứ không có bán hết những tài sản do ông VT tự tháo dỡ quá mức và ông M xin. Trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo có đơn yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm đối với hành vi tháo dỡ quá mức của ông VT, ông M, ông VM và trách nhiệm của hiệu trưởng trường tiểu học M1, thị xã N là ông H vì đã phân công ông xuống điểm trường tháo dỡ sau khi bàn giao trường cho UBND xã M. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không tiếp tục yêu cầu xử lý trách nhiệm gì với ông H, ông M, ông VT và ông VM; Bị cáo chỉ yêu cầu các ông này hỗ trợ tiếp cho bị cáo một phần tiền bồi thường thiệt hại tài sản cho UBND xã M. Sau khi nghe lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng luận tội đối với bị cáo và đề nghị mức hình phạt thì bị cáo thống nhất, không có tranh luận gì thêm, bị cáo nhận thấy phần lỗi của bị cáo trong vụ việc này, cảm thấy rất hối hận. Về phần tiền bị cáo đã giao nộp cho công an cũng như nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N thì đề nghị hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. Lời nói sau cùng của bị cáo Ton: bị cáo nhận thấy lỗi của bị cáo, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N trình bày: Quá trình làm việc thì bị cáo T luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của bị cáo, gia đình có truyền thống cách mạng nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn T; về trách nhiệm dân sự thì bị cáo đã sửa chữa lại trường, khắc phục lại hiện trạng ban đầu được UBND xã M lập biên bản thống nhất xác nhận nên bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn H trình bày: Việc ông bàn giao Trường Tiểu học M1 tại điểm lẻ ấp MĐ1, xã M, thị xã N cho UBND xã M vào ngày 19/10/2020 thì ông có thông báo cho bảo vệ là bị cáo T cũng như giáo viên toàn trường biết, cũng dặn cán bộ trường không ai được đến điểm trường sau khoảng thời gian bàn giao vì thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã M, thị xã N. Trước khi bàn giao trường thì ông có kêu ông Nguyễn T lúc đó là bảo vệ trường xuống tháo dỡ đèn, quạt đem về trường sử dụng, tháo được cái nào thì tháo đem về trường. Khi di chuyển các bàn ghế về trường trước khi bàn giao thì còn lại một số chân ghế, bàn sắt bị gãy thì ông có nói với ông T bán được thì bán. Chứ ông không có chỉ đạo kêu bán các tài sản của trường cũng như kêu bị cáo T đến điểm trường dọn dẹp sau ngày bàn giao trường cho UBND xã M, thị xã N như ông T nói. Vì khi bàn giao rồi muốn làm gì cũng phải xin phép lãnh đạo UBND xã M, thị xã N. Về phía bị cáo T thì đề nghị hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Còn về ý kiến bị cáo T đề nghị hỗ trợ ông bồi thường thiệt hại thì ông không đồng ý.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn VT trình bày: Ông được bị cáo Nguyễn T thuê ông đến điểm trường Tiểu học M1, thị xã N có trụ sở tại ấp MĐ1, xã M, thị xã N. Ngày 24/10/2020 ông cùng với bị cáo T và ông Liêu M đến trường tháo dỡ dây điện, đèn, quạt. Trong quá trình tháo dỡ thì bị cáo T có kêu người mua phế liệu là ông Nguyễn VM đến kêu bán một số tài sản của trường, mỗi ký sắt chỉ có giá 4.000 đồng. Rồi bị cáo T có nói với ông và ông M tận dụng xài cái nào được thì lấy, bị cáo T đề đồng giá bán cho thằng VM. Do đó, ông có chia lại chỗ VM 02 cánh cửa sắt và hỏi mua của bị cáo T các khung sắt cánh cửa, khung cửa tủ và các la phong thạch cao của 01 phòng học và hai dãy hàng lang. Bị cáo T đồng ý bán cho ông. Khi tháo dỡ thì ông có nghe ông M hỏi xin ông các tài sản khu vực nhà vệ sinh của trường, bị cáo T đồng ý nên ông M tháo dỡ, ông cũng có tiếp ông M tháo dỡ nhà vệ sinh. Đến khoảng 15 giờ ngày 24/10/2020 thì bị cáo T bận đi đám cưới nên mới đi về và có chở ông M cùng đi về. Chiều cùng ngày ông M có đem giỏ máy đến điểm trường để chở đồ về. Ông và ông M có đem dây điện, quạt, đèn và một số tài sản ông tháo dỡ được, ông M tháo dỡ được về để chỗ kho của ông cất giữ dùm bị cáo T. Do chưa tháo dỡ xong nên sáng ngày 25/10/2020 ông có rủ ông M cùng đi tháo dỡ tiếp ông nhưng ông M đau tay không đi, ông có thuê ông Phan H cùng đi tháo dỡ tiếp ông. Tháo dỡ được một số tài sản và dọn dẹp xong rồi về. Các tài sản ông tháo dỡ được trong hai ngày 24 và 25 tháng 10 năm 2020 thì ông đều đem về kho ông cất giữ và ông có giao nộp lại cho cơ quan điều tra công. Ông không có yêu cầu bị cáo T trả lại tiền công đã thuê ông làm cũng không đồng ý hỗ trợ một khoản tiền bồi thường.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Liêu M trình bày: Ngày 24/10/2020 bị cáo T có thuê ông tiếp đi tháo dỡ dây điện, đèn, quạt dọn dẹp tại trường tiểu học M1, thị xã N, bị cáo T nói hiệu trưởng của trường kêu làm. Rồi ông cùng với ông VT và bị cáo T đi làm, xuống trường tháo dỡ đèn, quạt, dây điện. Khi bị cáo T kêu ông VM đến bán một số tài sản của trường thì ông nghe bị cáo T và ông VM trao đổi việc mua bán phế liệu là các cánh cửa sắt trường học nhưng không nghe rõ số lượng bán rồi bán cái gì. Rồi bị cáo T có nói với ông và ông VT là cái nào xài được thì tận dụng, ông để bằng giá bán cho ông VM, rồi kêu phải dọn dẹp cho xong nên ông VT có hỏi bị cáo T mua một số tài sản. Còn ông thì có hỏi xin số tài sản khu vực nhà vệ sinh trường, bị cáo T đồng ý cho thì ông mới tháo dỡ, ông VT cũng có nghe và tháo dỡ tiếp ông. Bị cáo T có kêu ông chở tài sản về trường nhưng do đến trường thì trời tối, thầy công trường đóng nên ông có kêu ông VT gọi điện thoại cho bị cáo T là chở đồ về kho ông VT để. Rồi đến thứ hai ngày 26/10/2020 ông chở cháu đi học, đến trường có gặp bị cáo T thì có nói với bị cáo T là ông đã chở về để bên kho ông VT. Bị cáo T thuê ông làm chưa trả tiền công nhưng ông không có yêu cầu, cũng không đồng ý hỗ trợ bồi thường gì.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn VM trình bày: Bị cáo T kêu ông vào trường tiểu học M1 điểm ấp MĐ1, xã M, thị xã N để bán một số phế liệu. Khi đến trường thì bị cáo T chỉ bán cho ông 16 cánh cửa sắt của 08 phòng học và các la thông giòn của 07 phòng học, còn la thông thạch cao thì ông không có mua. Tháo dỡ la thông mất thời gian nên ông kêu bị cáo T tự tháo, rồi ông sẽ mua sắt, nẹp la thông, bị cáo T nói không có thời gian nên ông xin bị cáo T la thông rồi ông tháo dùm, bị cáo T đồng ý cho ông nên ông mới tháo dỡ. Ông mua sắt phế liệu với giá 4.000 đồng/01 ký. Rồi ông và bị cáo T có tháo một cánh cửa sắt của phòng học cân thử tính ra là 20 ký sắt. Ông có trả tiền cho bị cáo T 02 lần với tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Ông VT có hỏi chia lại của ông 02 cánh cửa sắt. Ông bán số tài sản này cho ông Nguyễn S với giá 2.700.000 đồng. Bị cáo T nói chỉ kêu bán một số cánh cửa bị rớt ra là không đúng thực tế. Ông không đồng ý hỗ trợ tiền bồi thường cho bị cáo T. Ông cũng không có yêu cầu gì.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm ông Nguyễn S trình bày ông mua 14 cánh cửa sắt lại từ việc thu mua phế liệu, không biết là tài sản trộm cắp. Ông mua với số tiền 2.700.000 đồng, ông đã giao nộp tài sản lại cho công an và ông T cũng đã trả cho ông số tiền 2.700.000 đồng nên ông không có yêu cầu gì.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn S vắng mặt. Xét thấy, bị cáo, người đại diện cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị

xã Ngã Năm đều đề nghị xét xử vắng mặt ông S. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt ông S không gây cản trở cho việc xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay lời trình bày và khai nhận của bị cáo Nguyễn T trong quá trình diễn biến tranh tụng thì bị cáo T không đồng ý với một phần nội dung của Cáo Trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã truy tố. Tuy nhiên đến khi Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm luận tội đối với bị cáo T thì bị cáo T đã đồng ý với nội dung luận tội của kiểm sát viên, nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Và bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo theo như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo nhận thấy ăn năn hối cải, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo T là phù hợp với lời khai bị cáo, người đại diện cho bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Quá trình tranh tụng, bị cáo T cho rằng bị cáo có kêu ông VM bán một số tài sản của trường học bị hư hỏng; có nói với ông VT và ông M tận dụng xài tài sản nào được thì lấy, để bằng giá bán phế liệu cho ông VM; kêu các ông này phải dọn dẹp cho gọn gàng. Việc bị cáo thuê ông VT và ông M tiếp bị cáo làm việc là theo sự chỉ đạo của hiệu trưởng trường ông Nguyễn H. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo cho rằng bị cáo đến trường tháo dỡ tài sản, bán một số tài sản của trường là theo lệnh của hiệu trưởng nhưng bị cáo không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình; Khi bị cáo kêu ông VM bán phế liệu một vài phòng học nhưng khi ông VM trả số tiền cho bị cáo tổng cộng 1.800.000 đồng thì bị cáo lại không kiểm tra lại ông VM tháo dỡ vượt phạm vi bị cáo bán hay không, mà vẫn tự cất giữ số tiền bán phế liệu; Bị cáo còn kêu các ông VT và M tận dụng lấy được tài sản nào thì lấy để bằng giá bán cho ông VM và không có kiểm tra lại những tài sản mà ông VT đã hỏi mua của ông, ông M xin tháo dỡ. Còn hỏi ông VT lấy được những tài sản gì để trong kho ông VT nhưng lại không thực hiện kiểm tra ngay sau khi các ông này tháo dỡ. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm đối với hành vi bán và cho tài sản cho ông VM, ông VT cũng như cho ông M một số tài sản của trường. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng vào các ngày 24/10/2020 và 25/10/2020 tại trường tiểu học M1, thị xã N có trụ sở đặt tại ấp MĐ1, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Nguyễn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nhà trường hiện nay do UBND xã M, thị xã N đang quản lý. Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt là 99.962.300

đồng (*Chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm đồng*). Hành vi của bị cáo Nguyễn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn T theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình. Bị cáo đang có nghề nghiệp ổn định để lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng vì một phút suy nghĩ nông cạn, chưa nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của chủ sở hữu, đã lén lút lấy tài sản của bị hại để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo tình hình an ninh chính trị tại địa phương nói riêng cũng như đảm bảo trật tự xã hội. Tuy nhiên, trước khi lượng hình thì Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã khắc phục lại hiện trạng ban đầu, khắc phục hoàn toàn thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại xác nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có cha ruột là Liệt sĩ Lê L, gia đình có công cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ ngày 24/10/2020 đến ngày 25/10/2020 bị cáo T đã thực hiện chiếm đoạt tài sản của bị hại hai lần, ngày 24/10/2020 chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 75.219.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu hai trăm mười chín nghìn đồng*) và ngày 25/10/2020 chiếm đoạt tài sản tổng giá trị tài là: 24.743.300 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm đồng*); mỗi lần chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần phải áp dụng cho bị cáo Ton. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 quyết định mức hình phạt được áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo T. Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự đối với bị cáo T có một phần chưa đầy đủ nên Hội đồng xét xử cần áp dụng bổ sung.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét áp dụng mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo: Theo Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm nhận định bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và xét nhân thân của bị cáo tốt nên đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bị cáo T có tới 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng theo phân tích tại mục [5] thì Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cho nên trường hợp bị cáo T thuộc trường hợp “*Người phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự án treo quy định về những trường hợp không được hưởng án treo.

Đồng thời, thời điểm bị cáo T thực hiện hành vi vi phạm thì bị cáo phụ trách nhiệm vụ bảo vệ nhà trường, trách nhiệm của bị cáo phải bảo quản tài sản của nhà trường, nhưng bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi đem tài sản của nhà trường đi bán, quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa thì bị cáo vẫn có chưa nhìn thấy hết sai phạm của bị cáo, còn đổ lỗi cho người khác. Cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, chưa đảm bảo tính chất răn đe. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để giáo dục, cải tạo, đồng thời để tuyên truyền răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm đã xử lý thu giữ vật chứng và giao trả cho người bị hại đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Còn đối với số tiền là 1.800.000 đồng bị cáo Nguyễn T đã giao nộp, đây là số tiền mà bị cáo T bán tài sản trộm có được. Tuy nhiên, tài sản cũng đã thu hồi lại được, bị cáo T cũng đã trả tiền cho người mua ông S số tiền 2.700.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo T số tiền 1.800.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N tổng số tiền 99.962.300 đồng nhằm mục đích khắc phục hậu quả cho người bị hại, nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử thì bị cáo T đã khắc phục hoàn toàn thiệt hại cho người bị hại, bị hại không còn yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử hoàn trả lại cho bị cáo T tổng số tiền 99.962.300 đồng theo các biên lai thu số 0001002 ngày 30/11/2021 (số tiền 14.000.000 đồng); số 0001003 ngày 15/12/2021 (số tiền 60.000.000 đồng); số 0001004 ngày 26/01/2022 (25.962.300 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Các vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự như đã phân tích ở trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần theo như các phân tích nêu trên.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bị cáo T có đơn xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm với lý do là bị cáo là con của liệt sĩ Lê L. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ton.

[11] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Nguyễn VT, ông Liêu M, ông Phan H là những người được bị cáo T thuê tháo dỡ tài sản cũng như mua tài sản của trường, không biết rõ đây là tài sản trộm, cũng tháo dỡ và mua tài sản theo sự cho phép, đồng ý của bị cáo T nên không xem xét trách nhiệm hình sự của những người này là phù hợp quy định của pháp luật.

[12] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn VM và ông Nguyễn S mua tài sản trộm nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự của những người này là phù hợp quy định của pháp luật.

[13] người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn H thì quá trình tố tụng bị cáo T cho rằng ông H chỉ đạo ông đến dọn dẹp, bán tài sản của trường đồng thời yêu cầu xử lý trách nhiệm nhưng tại phiên tòa bị cáo T không tiếp tục yêu cầu. Đồng chưa đủ căn cứ chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung;

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn T số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*). Số tiền này đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn T số tiền 99.962.300 đồng (*Chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm đồng*) theo các biên lai thu số 0001002 ngày 30/11/2021 (số tiền 14.000.000 đồng); số 0001003 ngày 15/12/2021 (số tiền 60.000.000 đồng); số 0001004 ngày 26/01/2022 (25.962.300 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn T.

6/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TA tỉnh Sóc Trăng(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- VKSND thị xã Ngã Năm(1);
- CQTHAHS Công an thị xã Ngã Năm(1);
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm(1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CATX Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã N (1);
- Bị cáo(1);
- Người đại diện hợp pháp của bị hại(1);
- Người có QLNVLQ đến vụ án (5);
- UBND xã M, thị xã N(1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).
- Bộ phận lưu trữ (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng

